

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Nga
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 556/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 459/2022/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phường X, Quận Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy Đ, sinh năm 2000 – Chức vụ: Chuyên viên XLN KHDN MN.

(Văn bản ủy quyền số 2297/2022/UQ-PGD ngày 31/8/2022)

(Có mặt)

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P

Địa chỉ trụ sở chính: Số 10 Đường 24, khu dân cư M, xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Tạ Văn Đ1, sinh năm 1988 – Chức danh: Giám đốc – Là người đại diện theo pháp luật của công ty.

(Vắng mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Tạ Văn Đ1, sinh năm 1988
- Bà Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Số 1041/62/144/2D đường Trần Xuân Soạn, phường K, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2020 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Duy Đ trình bày:

Ngày 20/6/2019, công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P (gọi tắt là công ty P) có ký với ngân hàng TMCP V (gọi tắt là ngân hàng V) Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo, hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); lãi suất là 29,5%/năm.

Trong quá trình sử dụng thẻ, công ty P đã nhiều lần sử dụng để thực hiện các giao dịch phát sinh; nhưng từ tháng 02/2020, công ty P không thanh toán dư nợ phát sinh với số tiền giao dịch nên ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/01/2023, công ty P nợ số tiền thẻ tín dụng với tiền gốc là 292.711.940 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm bốn mươi đồng); tiền lãi quá hạn là 408.960.362 đồng (Bốn trăm lẻ tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng).

Nay ngân hàng V yêu cầu công ty P có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 20/6/2019 mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho ngân hàng V.

Trường hợp công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Tạ Văn Đ1, bà Đỗ Thị Ngọc T có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số 48/2019/HĐBL/VPBANK/EMH-01 và số 48/2019/HĐBL/VPBANK/EMH-02 ngày 26/6/2019 mà các bên đã ký.

Đối với người đại diện hợp pháp của bị đơn công ty P – ông Tạ Văn Đ1, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà Đỗ Thị Ngọc T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông Đ1, bà T vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì xét thấy nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và bị đơn công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P có ký với nhau Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P trả khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký giữa các bên; bị đơn có trụ sở tại xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Tạ Văn Đ1; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà Đỗ Thị Ngọc T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/6/2019, công ty P có sử dụng một thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Bị đơn công ty P khi thực hiện hợp đồng đã thanh toán được một phần gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 12/01/2023, công ty P còn nợ ngân hàng V cụ thể như sau:

+ Số tiền gốc: 292.711.940 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 408.960.362 đồng (Bốn trăm lẻ tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng).

Tổng cộng: 701.672.303 đồng (Bảy trăm lẻ một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm lẻ ba đồng).

Ngân hàng V yêu cầu công ty P thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 13/01/2023, cho đến khi công ty P thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Căn cứ vào Hợp đồng bảo lãnh số: 48/2019/HĐBL/VPBANK/EMH-01 và số 48/2019/HĐBL/VPBANK/EMH-02 ngày 26/6/2019 thì ông Tạ Văn Đ1 và bà Đỗ Thị Ngọc T có thực hiện việc bảo lãnh cho công ty P đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà công ty ký với ngân hàng V. Nay nguyên đơn ngân hàng V yêu cầu trong trường hợp công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Tạ Văn Đ1, bà Đỗ Thị Ngọc T có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với công ty P thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký. Hợp đồng bảo lãnh được ký giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 335; Điều 336; khoản 1 Điều 339; Điều 342; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 12/01/2023, tổng cộng là 701.672.303 đồng (Bảy trăm lẻ một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm lẻ ba đồng), bao gồm:

+ Số tiền gốc: 292.711.940 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 408.960.362 đồng (Bốn trăm lẻ tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng).

2. Kể từ ngày 13/01/2023, công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/6/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

3. Trường hợp công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông Tạ Văn Đ1, bà Đỗ Thị Ngọc T có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký.

4. Về án phí: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phòng cháy Chữa cháy P chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.066.892 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 9.359.654 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080235 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung

năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương